

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhân

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị C; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lưu Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện ma túy dẫn tới cầm cầm tài sản của vợ chồng, thường xuyên chửi bới đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được mà ngày càng nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, sống ly thân đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có hai con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/10/2013, Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/11/2015. Đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh T có yêu cầu được nuôi hai con chung chị không chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T xác định lời trình bày của chị Lưu Thị C về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C có 02 con chung họ tên ngày tháng năm sinh con chung chị C trình bày là chính xác, ly hôn anh nhận nuôi hai con chung sau ly hôn. Chị C có yêu cầu được nuôi cả hai con chung sau ly hôn anh không chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Anh và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/10/2013 cho chị Lưu Thị C nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/11/2015 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp

dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Lưu Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Lưu Thị C khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tổ tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn sự thương yêu, tôn trọng nhau trong cuộc sống gia đình, anh T nghiện ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ, chị không chấp nhận tiếp tục chung sống với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Còn anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn vì anh và chị C còn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Quan điểm của anh T không đồng ý ly hôn với chị C không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/10/2013, Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/11/2015. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh T đều có quan điểm được nuôi cả hai con chung sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập chị C và anh T đều làm tự do, có thu nhập nên điều kiện nuôi dưỡng con chung là ngang nhau. Con chung Nguyễn Trung H có nguyện

vọng được ở với chị C. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Trung H cho chị Lưu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Gia B cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp. Quan điểm của chị C và anh T về việc được nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Lưu Thị C, anh Nguyễn Văn T tạm thời không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết, sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng con chung sau ly hôn, Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

[6] Về tài sản chung: Chị Lưu Thị C, anh Nguyễn Văn T tạm thời không yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lưu Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Lưu Thị C, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trung H, sinh ngày 19/10/2013 cho chị Lưu Thị C nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/11/2015 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T tạm thời không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lưu Thị C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn

chị C đã nộp (Biên lai thu tiền số 0004060 ngày 23/12/2021) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Lưu Thị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị C, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã H (ĐKKH số 63/2013, ngày 28/8/2013);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi

Đỗ Văn Thư

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đại Bản (ĐKKH số 78/2008, ngày 10/6/2008);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi

Đỗ Văn Thư

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã An Đồng (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương